



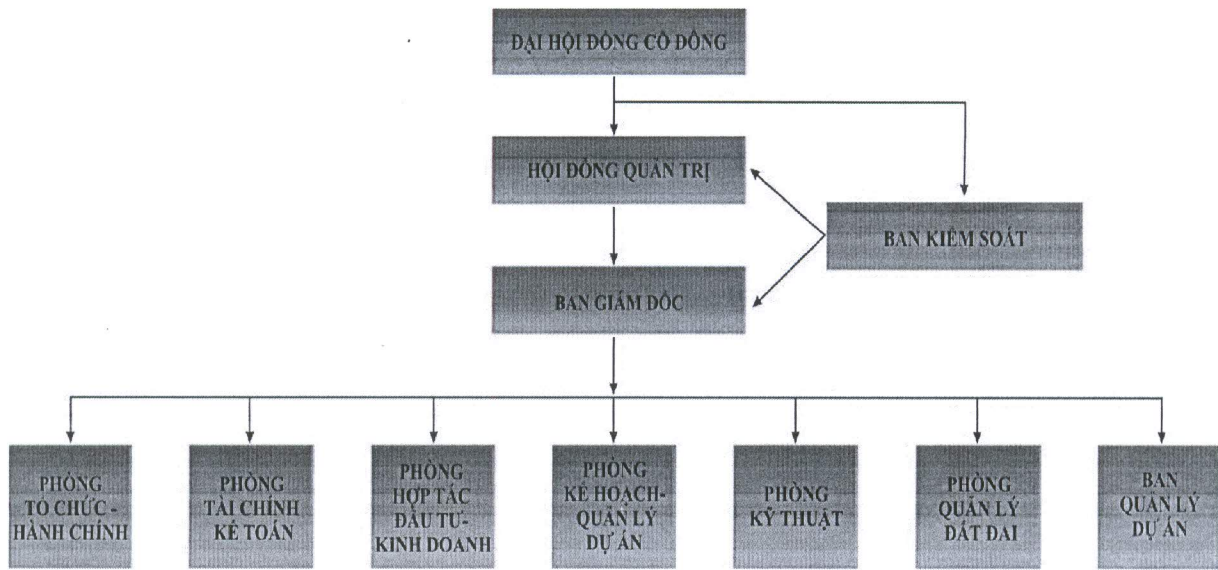
**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ
ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012**

Đồng Nai, tháng 02 năm 2013





c. Các công ty con, Công ty liên kết:
 Công ty hiện đang nắm giữ 10% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), tương đương số vốn đã góp 8 tỷ đồng.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh, khai thác cảng Phước An khả năng đón tàu có trọng tải đến 60.000 DWT, công suất 2,5 triệu TEU/ năm hàng container và 6,5 triệu tấn/ năm hàng tổng hợp;
- Xây dựng Khu dịch vụ hậu cần cảng thành trung tâm Logistics của vùng với công suất 2,2 triệu TEU/ năm hàng container và 4 triệu tấn/ năm hàng tổng hợp, cung cấp dịch vụ kho, bãi, lưu trữ, bảo quản, đóng gói, sơ chế, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cơ khí, dịch vụ dầu khí và các dịch vụ logistic khác đồng bộ với hoạt động của cảng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Đầu tư xây dựng Dự án theo từng phân kỳ phù hợp nhu cầu tình hình kinh tế thị trường và tình hình thực tế của Công ty, đảm bảo có thể vừa đầu tư vừa kinh doanh khai thác.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Mục tiêu là phát triển Công ty PAP bền vững đi đôi với việc bảo vệ môi trường, đồng thời giải quyết việc làm, thu nhập cho lượng lớn người lao động trong vùng, giúp ổn định và nâng cao đời sống cộng đồng của vùng, thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương trong quá trình hoạt động Công ty.

6. Các rủi ro:

Trong quá trình đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Cảng có thể phát sinh các rủi ro. Tuy nhiên, với nhu cầu thực tế về xuất nhập khẩu hàng hóa trong địa bàn tỉnh Đồng Nai và khu vực lân cận, đảm bảo Cảng Phước An hoạt động tối đa công suất, loại bỏ các yếu tố rủi ro về thị trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty PAP trong năm 2012 là hoàn thành các thủ tục chuẩn bị dự án, hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công phân kỳ 1 của Dự án, thực hiện công tác bồi thường GPMB sẵn sàng cho việc đầu tư xây dựng.

a. Công tác triển khai Dự án:

Công ty đã triển khai và hoàn thành công tác lập, thẩm tra về Dự án đầu tư xây dựng công trình, Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Phân kỳ 1, sẵn sàng khởi công xây dựng Dự án (*Chi tiết theo mục II; 1; 1.3 - Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*).

b. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:

Công ty đã hoàn tất các thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng và đã nhận được khoảng 252ha đất, trong đó Công ty đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng trên 157ha diện tích đất khu cảng. Toàn bộ diện tích đất của Công ty được quản lý, trông giữ, không để xảy ra tình trạng tái lấn chiếm.

c. Công tác thị trường:

Công ty PAP cũng đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, tình hình kinh tế xã hội, tình hình giao thông, các yếu tố khác có thể ảnh hưởng tới Dự án. Kết quả nghiên cứu đã góp phần vào việc xây dựng kế hoạch, quy mô đầu tư Phân kỳ 1 cho phù hợp với tình hình thực tế.

Mặc dù Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng chưa đi vào hoạt động, nhưng với mục tiêu thiết lập sẵn thị phần, đảm bảo khả năng khai thác tối đa công suất của Phân kỳ 1, Công ty đã thực hiện công tác marketing giới thiệu Dự án đến những khách hàng tiềm năng là các Nhà sản xuất, các đơn vị xuất nhập khẩu, các ICD, các hãng tàu,... đang hoạt động tại khu vực tỉnh Đồng Nai. Nhiều đơn vị đã có văn bản đề xuất sử dụng dịch vụ cảng Phước An. Trong đó, chỉ tính nhu cầu sử dụng cảng để xuất nhập khẩu hàng hóa của 30 Nhà sản xuất (có văn bản đề xuất sử dụng dịch vụ Cảng Phước An) đã trên 4 triệu tấn/năm, bằng 1,7 lần công suất Phân kỳ 1.

d. Công tác kinh doanh dịch vụ:

Để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư cũng như tích lũy kinh nghiệm, tạo tiền đề cho việc kinh doanh, khai thác khi cảng đi vào hoạt động, Công ty đã tham gia cung cấp các dịch vụ cho các đơn vị trong ngành Dầu khí với tiêu chí hàng đầu là bảo toàn vốn, mang lại hiệu quả cũng như phát triển thương hiệu cho Công ty. Năm 2012, Công ty đã tham gia đấu thầu và trúng thầu nhiều gói thầu, các hợp đồng kinh doanh cung cấp vật tư, thiết bị được Công ty thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty từ khâu thanh toán, nhập khẩu hàng hóa đến khi hoàn thành việc thu hồi công nợ của khách hàng. Toàn bộ các hợp đồng đã thực hiện đều đảm bảo mục tiêu bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận gộp khoảng 5% doanh thu.

1.2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành cụ thể như sau:

- Ông Trần Ngọc Dũng - Ủy Viên HĐQT, Giám đốc Công ty

✓ Sinh ngày: 22/08/1962

✓ Quê quán: Nam Định.

✓ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ MBA.

✓ Ngoại ngữ: Anh văn.

✓ Quá trình công tác: Đã có hơn 25 công tác trong Ngành Dầu khí, đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH chế biến suất ăn Dầu khí; Giám đốc Xí Nghiệp Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng; Chủ tịch/Giám đốc Công ty TNHH Cảng Dịch vụ Dầu khí; Phó TGĐ Tổng Công ty PTSC; Từ tháng 05/2008 đến nay là Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

- Ông Trần Thanh Tùng - Phó Giám đốc

✓ Sinh ngày: 27/9/1959

✓ Quê quán: Xã An Bồi, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình.

1033
CÔNG TY
HÀ
[ĐÀ]
TH
HƯỚC
CH-T

- ✓ Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán.
 - ✓ Ngoại ngữ: Anh văn.
 - ✓ Quá trình công tác: Đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán, đã đảm nhận các vị trí Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT của: Xí nghiệp nhà ở Công ty PTSC; Công ty Liên doanh Dầu khí Mekong (PetroMekong); Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Dự án Khí - Điện Nhơn Trạch; Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu mỏ (PDC); Từ tháng 8/2008 đến nay là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.
- Ông Trần Ngọc Tôn – Phó Giám đốc
- ✓ Sinh ngày: 14/2/1963.
 - ✓ Quê quán: Đại An, Vụ Bản, Nam Định.
 - ✓ Trình độ: Kỹ sư Kinh tế máy, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Tiến sĩ Kinh tế.
 - ✓ Quá trình công tác: Đã đảm nhận các vị trí: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Bảo hiểm Dầu khí tại Vũng Tàu; Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí khu vực Đông Nam Bộ; Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí khu vực Đông Nam Bộ; Từ tháng 11/2008 đến nay là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.
- Ông Trần Xuân Chiên- Phó Giám đốc
- ✓ Sinh ngày: 29/3/1980
 - ✓ Quê quán: Nam Định
 - ✓ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
 - ✓ Ngoại ngữ: Anh văn
 - ✓ Quá trình công tác: Đã đảm nhận công tác kỹ thuật tại Ban Quản lý dự án thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I tại Cần Thơ, Công ty Cổ phần Tư vấn Châu Á Thái Bình Dương tại Hà Nội; Chỉ huy trưởng công trình – Tổng Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN; Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An. Từ tháng 4/2011 đến nay là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.
- b. Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2012: Không có.
- c. Số lượng cán bộ, nhân viên:
- Tổng số CBCNV có mặt đến ngày 31/12/2012 là 80 người. Các chế độ của CBCNV Công ty được hưởng theo Quy chế trả lương, trả thưởng hiện hành của Công ty.
- 1.3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*
- a. Các khoản đầu tư lớn:
- Đầu tư xây dựng Dự án Cảng Phước An: Công ty đã hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng công trình, được Bộ Giao thông Vận tải chấp thuận thiết kế cơ sở, khung tiêu chuẩn áp dụng, Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận tuyến mép bến cầu và các cấp có thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt.
- Năm 2012, Công ty đã hoàn thành công tác lập và thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Phân kỳ 1 Dự án Cảng Phước An.
- Trong năm 2012, giá trị giải ngân xây dựng cơ bản của Công ty là 32,4 tỷ đồng, lũy kế từ đầu dự án là 203,6 tỷ đồng. Quá trình thực hiện đầu tư triển khai dự án Công ty PAP luôn tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước, của các cơ quan có thẩm quyền.
- b. Các công ty con, công ty liên kết:
- Công ty hiện đang nắm giữ 10% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), tương đương số vốn đã góp 8 tỷ đồng.
- c. Các công tác khác:

Công ty đã triển khai đồng bộ các công tác nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí và công tác an sinh xã hội...

1.4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011 (Tỷ đồng)	Năm 2012 (Tỷ đồng)	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	471,349	468,212	(0,7)
2	Doanh thu thuần về bán hàng	12,959	11,113	(14,2)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7,081	0,082	(98,8)
4	Lợi nhuận khác	(0,003)	0,00008	-
5	Lợi nhuận trước thuế	7,078	0,083	(98,8)
6	Lợi nhuận sau thuế	5,785	0,024	(99,6)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	lần		
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	14,37	13,68
+	Hệ số thanh toán nhanh:	lần		
	TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	lần	14,37	13,68
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	%		
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	4,23	3,93
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	4,41	4,09
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	lần		
+	Vòng quay hàng tồn kho:		0	0
	Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	lần	0	0
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,027	0,024
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	44,64	0,22
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,28	0,005
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,23	0,005
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	54,64	0,74

1.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tính đến ngày 31/12/2012 số lượng cổ đông của Công ty là 229 cổ đông, trong năm 2012 có 03 cổ đông mua bán chuyển nhượng với số lượng 40.000 cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông của Công ty:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn điều lệ	Giá trị vốn góp (tỷ đồng)
1	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	25.000.000	56,82%	250,00
2	Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi)	7.500.000	17,05%	75,00
3	Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino)	5.000.000	11,36%	50,00
4	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	5.000.000	11,36%	50,00
5	Các cổ đông khác	1.500.000	3,41%	15,00
	Tổng cộng	44.000.000	100,00%	440,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2012 là hoàn thành công tác thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Phân kỳ 1 của Dự án, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, nhận đất, hoàn thành mọi thủ tục liên quan sẵn sàng cho việc triển khai đầu tư xây dựng Phân kỳ 1 của Dự án, thiết lập được thị phần đảm bảo khả năng khai thác tối đa công suất thiết kế Phân kỳ 1.

2. Tình hình tài chính

(Chi tiết như trong báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán đính kèm)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Đến nay, Công ty đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy định chức năng nhiệm vụ rõ ràng của từng Phòng/ Ban, đảm bảo giải quyết công việc nhanh gọn, kịp thời và hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty đã hoàn thiện hệ thống nội quy, quy trình, quy chế quản lý nội bộ, cải cách các thủ tục hành chính, thực hiện việc quản lý dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của cơ quan có thẩm quyền và của Công ty, hoàn thiện các quy trình, quy chế phù hợp với tình hình triển khai Dự án, nâng cao năng lực và chất lượng trong công tác quản lý dự án, quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hoàn thành xây dựng Phân kỳ 1 của Dự án để sớm đưa Phân kỳ 1 đưa vào vận hành khai thác đáp ứng được một phần nhu cầu sử dụng của khách hàng trong và ngoài khu vực làm cơ sở triển khai xây dựng các phân kỳ tiếp theo của Dự án Cảng Phước An.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2012, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT, Đồng thời, HĐQT đã chỉ đạo, bám sát

Công ty triển khai hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm mà Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT Công ty đề ra, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

Năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cũng như quy định của pháp luật. Các thành viên đều đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ đảm trách.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

Giám sát và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ, Quy chế của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật; Giám sát việc sử dụng nguồn vốn đầu tư của Công ty một cách hợp lý đúng mục đích và hiệu quả.

V. Quản trị Công ty

1. *Hội đồng quản trị*

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Mạnh Hiền | - Chủ tịch HĐQT Công ty |
| - Ông Trần Ngọc Dũng | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| - Ông Phạm Xuân Bách | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| - Ông Nguyễn Đức Hạnh | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| - Ông Trần Đức Trương | - Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/4/2012). |
| - Ông Lê Ngọc Dũng | - Ủy viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 11/4/2012). |

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ông Phạm Kim Hào - Thư ký HĐQT Công ty

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2012, HĐQT đã tiến hành tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ theo quy định và đạt được các kết quả như:

+ HĐQT đã xây dựng nội dung chương trình, tài liệu và tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty.

+ Căn cứ định hướng phát triển Công ty được Đại hội cổ đông thông qua, HĐQT đã phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty.

- HĐQT đã Quản lý giám sát, quyết liệt chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty trong việc triển khai các nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT giao, thường xuyên nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ kế hoạch, đề ra các giải pháp nhằm tháo gỡ và hỗ trợ kịp thời Ban Giám đốc hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ SXKD năm 2012 của Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành của Công ty đã tuân thủ, thực hiện nghiêm túc theo đúng Quy định trong Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Thư ký HĐQT có vai trò và nhiệm vụ là đầu mối quan hệ giữa HĐQT với Giám đốc Công ty. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.



2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ông Bùi Hữu Giang - Trưởng Ban Kiểm soát.
- Ông Vũ Chí Hùng - Thành viên Ban Kiểm soát.
- Ông Lưu Hoài Nam - Thành viên Ban Kiểm soát.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động của Công ty và các bộ phận liên quan;
- Kiểm tra giám sát toàn diện các hoạt động của Công ty, đặc biệt là việc thực hiện triển khai đầu tư xây dựng phân kỳ 1 dự án Cảng Phước An;
- Kiểm tra giám sát, phòng ngừa và hạn chế thấp nhất các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thẩm định các Báo cáo Tài chính nhằm đảm bảo thông tin tài chính và hoạt động của Công ty công bố trung thực và khách quan nhất.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a. Lương, thù lao và các khoản lợi ích: Lương, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đều được Công ty PAP thực hiện nghiêm túc và đầy đủ theo đúng phê duyệt của Đại hội Cổ đông, quy chế trả lương trả thưởng, quy chế nhân viên của Công ty, đảm bảo quyền lợi, không xảy ra khiếu nại.
- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty PAP chấp hành và thực hiện các quy định về quản trị Công ty theo đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, HĐQT, quy định của Nhà nước và của cơ quan có thẩm quyền.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Chi tiết như báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:

- UB CKNN, Sở GD&ĐT;
- Chủ tịch HĐQT PAP (để b/c);
- Trưởng BKS PAP;
- Website PAP;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC
CẢNG PHƯỚC AN

H. NHON TRACH - T. ĐỒNG NAI
M.S.D.N. 360 10 0336 - C.T.C.P

Trần Ngọc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		251.951.065.600	286.594.451.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	233.124.615.672	203.156.874.536
1. Tiền	111		2.224.615.672	2.356.874.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		230.900.000.000	200.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.164.431.552	80.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	14.164.431.552	80.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.221.837.576	2.538.386.211
1. Phải thu khách hàng	131		643.104.000	381.144.500
2. Trả trước cho người bán	132		771.919.736	526.602.120
3. Các khoản phải thu khác	135	6	2.806.813.840	1.630.639.591
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		440.180.800	899.190.927
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		288.868.341	844.705.927
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		32.827.459	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	118.485.000	54.485.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250)	200		216.261.655.816	184.755.126.066
I. Tài sản cố định	220		208.261.655.816	176.755.126.066
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.652.988.458	5.561.160.416
- Nguyên giá	222		10.828.337.964	9.969.789.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.175.349.506)	(4.408.629.358)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		41.733.000	41.733.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.733.000)	(41.733.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	203.608.667.358	171.193.965.650
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	8.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		468.212.721.416	471.349.577.740



Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Handwritten signatures

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		18.421.179.747	19.945.975.334
I. Nợ ngắn hạn	310		18.421.179.747	19.945.975.334
1. Phải trả người bán	312		1.391.222.120	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	293.196.860	1.560.400.813
3. Phải trả người lao động	315		-	3.584.152.172
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	14.164.431.552	13.345.884.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13	2.572.329.215	1.455.538.349
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	14	449.791.541.669	451.403.602.406
I. Vốn chủ sở hữu	410		449.791.541.669	451.403.602.406
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		440.000.000.000	440.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.644.654.711	4.363.547.072
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.370.899.287	792.371.227
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		685.449.643	396.185.613
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90.538.028	5.851.498.494
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		468.212.721.416	471.349.577.740

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại (USD)	401,11	411,69



Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng

360
CỔ
CƠ
ĐẦU TƯ
KHAI THÁC
CẢNG PHƯỚC AN
360
PHẢI TRẢ
ĐỒNG NAI
KHAI THÁC
CẢNG PHƯỚC AN
360
CH

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	11.113.813.130	12.959.318.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.113.813.130	12.959.318.796
4. Giá vốn hàng bán	11	16	10.973.224.287	11.822.376.075
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		140.588.843	1.136.942.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	28.974.806.974	45.116.318.638
7. Chi phí bán hàng	24		170.471.705	194.766.375
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.862.490.680	38.977.451.951
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (24 + 25)}	30		82.433.432	7.081.043.033
10. Thu nhập khác	31		12.200.000	29.105.216
11. Chi phí khác	32		12.124.185	32.033.098
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		75.815	(2.927.882)
13. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		82.509.247	7.078.115.151
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	58.189.118	1.292.834.556
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		24.320.129	5.785.280.595
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1	131



Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng

1103
IG T
PHÁ
Í ĐÀ
TH
HƯC
1103
HÀ
PHÁ
Í ĐÀ
THÁC
HƯC A
-T. ĐỒ

DL QNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82.509.247	7.078.115.151
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(27.208.086.826)	(43.406.535.573)
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.766.720.148	1.709.783.065
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(28.974.806.974)	(45.116.318.638)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(27.125.577.579)	(36.328.420.422)
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(15.439.530)	2.310.396.599
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11	(2.158.918.647)	15.782.605.284
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.350.742.183)	(881.462.552)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(519.590.000)	(570.120.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(31.170.267.939)	(19.687.001.091)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(32.496.192.098)	(125.386.763.084)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(27.510.315.552)	(80.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	93.345.884.000	230.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay	27	27.798.632.725	45.409.207.529
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	61.138.009.075	70.022.444.445
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	29.967.741.136	50.335.443.354
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	203.156.874.536	152.821.431.182
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	233.124.615.672	203.156.874.536



Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14/05/2008 và giấy phép điều chỉnh lần 3 số 3601010336 ngày 29/06/2012.

Vốn điều lệ của Công ty là: 440.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2012 là 80 người (tại ngày 31/12/2011: 79 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư khai thác phát triển cảng và khu hậu cần; Đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; Kinh doanh vận tải biển, vận tải đường thủy và đường bộ, đại lý tàu biển, vận chuyên dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu; Thuê và cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị. Đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng). Sửa chữa, thi công, lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy; Cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên liên quan chủ yếu của Công ty như sau:

- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam: góp 57% vốn điều lệ.
- Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp: góp 17% vốn điều lệ.
- Công ty Máy và Phụ tùng: góp 11% vốn điều lệ.
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam: góp 11% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao: Công ty sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông công nghệ cao.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương: là đơn vị có góp vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam: là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty thấy rằng không có khoản phải thu nào cần phải xem xét trích lập dự phòng nợ khó đòi trên báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong vòng 3 năm.



Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi và ủy thác quản lý vốn có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và tài chính có thời hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần, trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ, và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn “Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn để xem xét lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Tuy nhiên, không có thông tin về giá giao dịch cổ phiếu, Công ty cũng chưa thu thập được đầy đủ các báo cáo tài chính của các công ty cổ phần mà Công ty có góp vốn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn không bị suy giảm do hầu hết các khoản đầu tư mới đang ở giai đoạn bắt đầu triển khai dự án, các khoản lỗ nếu có là không đáng kể. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

101
NG
PE
HÍ E
AI T
PHU
CH
PHI
KHÍ
HAI
NG PE
RAC

Đinh Đình

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31/12/2012 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	10.496.272	19.062.592
Tiền gửi ngân hàng	2.214.119.400	2.337.811.944
Các khoản tương đương tiền	230.900.000.000	200.800.000.000
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần	-	2.900.000.000
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	80.000.000.000
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	230.900.000.000	70.900.000.000
- Khoản ủy thác vốn có kỳ hạn 3 tháng	-	47.000.000.000
	233.124.615.672	203.156.874.536

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn 6 tháng.

336
 TỶ
 AN
 ĐẦU TƯ
 KHAI THÁC
 CẢNG PHƯỚC AN
 ĐỒNG NAI
 ĐẦU TƯ KHAI THÁC
 ƯỚC A
 I-T. Đ

Ab omh

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu khác của Công ty là những khoản lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, chi tiết:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Chợ Lớn	1.630.700.000	55.144.444
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Mạc Thị Bưởi	600.000.000	62.222.222
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Đồng Nai	373.055.556	315.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Sài Gòn	202.500.000	525.000.000
Phải thu khác	558.284	673.272.925
	2.806.813.840	1.630.639.591

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, Công ty tính lãi dự thu dựa trên lãi suất và thời hạn tính đến ngày 31/12/2012. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng sẽ không rút trước hạn các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, nên Công ty dự thu lãi theo phương pháp trên là hợp lý.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.485.000	54.485.000
Tạm ứng	64.000.000	-
	118.485.000	54.485.000

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2011	8.655.483.688	1.314.306.086	9.969.789.774
Tăng trong năm	680.430.000	178.118.190	858.548.190
Số dư tại 31/12/2012	9.335.913.688	1.492.424.276	10.828.337.964
HAO MÒN LUYỆN KẾ			
Số dư tại 31/12/2011	3.529.677.246	878.952.112	4.408.629.358
Trích khấu hao trong năm	1.519.200.576	247.519.572	1.766.720.148
Số dư tại 31/12/2012	5.048.877.822	1.126.471.684	6.175.349.506
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 31/12/2011	5.125.806.442	435.353.974	5.561.160.416
Số dư tại 31/12/2012	4.287.035.866	365.952.592	4.652.988.458

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 858.034.856 VND (năm 2011: 630.115.279 VND).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	171.193.965.650	47.069.066.579
Tăng trong năm	32.414.701.708	124.124.899.071
Tại ngày 31 tháng 12	203.608.667.358	171.193.965.650



Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000

Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao với tỷ lệ góp 10% vốn điều lệ. Khoản đầu tư góp vốn nêu trên được góp theo mệnh giá. Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, tại ngày 31/12/2012, các khoản đầu tư này không bị suy giảm về mặt giá trị thị trường với giá gốc của khoản đầu tư, nên không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính nào cần trích lập.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.259.725.606
Thuế thu nhập cá nhân	288.067.060	296.615.407
Thuế khác	5.129.800	4.059.800
	293.196.860	1.560.400.813

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương	14.164.431.552	13.345.884.000
	14.164.431.552	13.345.884.000

Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để được làm nhà đầu tư thứ cấp triển khai một số hạng mục của Dự án, trong đó 13.345.884.000 đồng là số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích đất 196.507,5m² theo phê duyệt của UBND huyện Nhơn Trạch cho các hộ dân bị thu hồi ỳ quyền cho Công ty Lan Phương nhận, và 818.547.552 là khoản lãi tiền gửi tương ứng của khoản tiền trên trong năm 2012.

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.455.538.349	668.474.579
Tăng quỹ trong năm (i)	1.636.380.866	1.357.183.770
Chi quỹ trong năm	519.590.000	570.120.000
Tại ngày 31 tháng 12	2.572.329.215	1.455.538.349

Ghi chú: (i) Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi 578.528.060 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 57.852.806 đồng và Quỹ quan hệ cộng đồng, từ thiện, hỗ trợ 1.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 69/NQ-PAP ngày 11/04/2012 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2010	440.000.000.000	2.960.674.444	467.658.709	233.829.354	3.280.234.125	446.942.396.632
Lãi trong năm	-	-	-	-	5.785.280.595	5.785.280.595
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	1.402.872.628	324.712.518	162.356.259	(3.247.125.175)	(1.357.183.770)
Điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp 2010 theo QT 2008-2010	-	-	-	-	33.108.949	33.108.949
Tại ngày 31/12/2011	440.000.000.000	4.363.547.072	792.371.227	396.185.613	5.851.498.494	451.403.602.406
Lãi trong năm	-	-	-	-	24.320.129	24.320.129
Phân phối lợi nhuận sau thuế (i)	-	3.281.107.639	578.528.060	289.264.030	(5.785.280.595)	(1.636.380.866)
Tại ngày 31/12/2012	440.000.000.000	7.644.654.711	1.370.899.287	685.449.643	90.538.028	449.791.541.669

Ghi chú: (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 61/NQ-PAP ngày 11/04/2012 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012. Theo Nghị quyết này, lợi nhuận sau thuế năm 2011 của Công ty sẽ được trích Quỹ đầu tư phát triển 578.528.060 đồng, Quỹ dự phòng tài chính 289.264.030 đồng, tăng Vốn khác của chủ sở hữu 3.281.107.639 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi 578.528.060 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 57.582.806 đồng và Quỹ quan hệ cộng đồng 1.000.000.000 đồng.

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)*Vốn điều lệ:*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/05/2008, giấy phép điều chỉnh lần 3 số 3601010336 ngày 29/06/2012, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 440.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2012, số vốn các cổ đông đã góp được như sau:

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	250.000.000.000	57	250.000.000.000	57
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	75.000.000.000	17	75.000.000.000	17
Công ty Máy và Phụ tùng	50.000.000.000	11	50.000.000.000	11
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	50.000.000.000	11	50.000.000.000	11
Các cổ đông khác	15.000.000.000	3	15.000.000.000	3
	440.000.000.000	100	440.000.000.000	100

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2012:

- | | |
|---|---------------------|
| (1) Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập: | |
| + Số cổ phiếu được phép phát hành | 37.500.000 cổ phần |
| + Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ | 37.500.000 cổ phần |
| + Mệnh giá của cổ phiếu | 10.000 đồng/cổ phần |
| + Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đầu năm và cuối năm | 37.500.000 cổ phần |
| (2) Cổ phiếu phổ thông của cổ đông khác: | |
| + Số cổ phiếu được phép phát hành | 6.500.000 cổ phần |
| + Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ | 6.500.000 cổ phần |
| + Mệnh giá của cổ phiếu | 10.000 đồng/cổ phần |
| + Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đầu năm và cuối năm | 6.500.000 cổ phần |

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	11.113.813.130	12.959.318.796
	11.113.813.130	12.959.318.796

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng	10.973.224.287	11.822.376.075
	10.973.224.287	11.822.376.075

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.320.129	5.785.280.595
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	44.000.000	44.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1	131
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu		
Tổng Cty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN Sài Gòn	3.291.008.333	5.356.944.445
Tổng Cty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN HCM	1.659.888.889	2.366.333.331
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	4.844.025.579	11.738.693.300
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Đồng Nai	4.379.787.523	315.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	279.154.312	748.145.250
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí	-	176.075.000

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản tiền gửi		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN Sài Gòn	-	30.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN HCM	-	17.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	30.000.000.000	50.036.729.300
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Đồng Nai	104.164.431.552	30.000.000.000

Thu nhập của Ban Điều hành:

Thu nhập của Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập của Ban Điều hành	3.119.829.710	3.205.153.092

01010
ÔNG
PH
KHÍ Đ
AI TH
3 PHƯỚCCH
01CÓN
CỔ P
U KHÍ
HAI
NG PH

PÁCH

Ph Qnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.508.077.093	1.388.114.743
	1.508.077.093	1.388.114.743

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê văn phòng làm việc tại Nhà Văn phòng KCN Nhơn Trạch 3, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 07/HĐ-PAP ngày 25/07/2008 giữa Công ty với Xí nghiệp Dịch vụ và Phát triển Khu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Phụ lục hợp đồng số 80/PLHĐ-PAP ngày 19/12/2011 với giá thuê bao gồm VAT là 6.183 USD/tháng, thời hạn 2 năm tính từ năm 2012.
- Số tiền thuê văn phòng tại tòa nhà VCCI, thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng số 64/2010/HĐTVP ngày 28/09/2010 giữa Công ty với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, giá thuê 432 USD/tháng. Phụ lục hợp đồng ngày 24/09/2012 về việc gia hạn thời hạn thuê từ ngày 01/10/2012 đến hết ngày 30/09/2014.

Ngoài ra, Công ty còn có Hợp đồng thuê đất số 45/HĐTĐ ngày 10/11/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thuê 1.572.896,4 m² tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích xây dựng và kinh doanh, khai thác cảng Phước An, thời hạn thuê đến hết ngày 21/8/2059, giá thuê đất 1.600 VND/m²/tháng. Hiện tại, Công ty đang được miễn thuế đất đến hết ngày 31/12/2016 theo Quyết định số 13/QĐ-CT ngày 02/11/2012 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán.

Trần Ngọc Dũng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng